TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TD** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:24/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 10 - 2019
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đ Nghiệp;
2. Bà Hoàng Thị Hanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Mậu Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng X, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khu 5, xã Đ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Chị Đỗ T, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khu 5, thôn L, xã YP, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 24 tháng 7 năm 2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Đặng X trình bày: Anh và chị Đỗ T kết hôn ngày 18 tháng 5 năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn anh chị thuê nhà ở riêng. Quá trình chung sống một thời gian ngắn đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do chị T cư xử với anh và gia đình anh không đúng mực, có những lời nói hỗn láo với mẹ anh, mặt khác vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vào khoảng tháng 2 năm 2019, đến tháng 3 năm 2019 chị T đã chuyển đi nơi khác ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Sau khi anh nộp đơn ly hôn tại Tòa án thì ngày 28 tháng 8 năm 2019 chị T đã làm thủ tục chuyển khẩu và về cư trú ở quê chị xã YP, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc nên hai bên đều đề nghị Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Đỗ T được ly hôn.

Bị đơn, chị Đỗ T vắng mặt tại phiên, tại bản tự khai ngày 26 tháng 8 năm 2019 chị T trình bày: Chị và anh Đặng X kết hôn ngày 18 tháng 5 năm 2018, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi cưới chị về chung sống cùng gia đình anh Đ được khoảng 03 tháng thì vợ chồng thuê nhà trọ ở riêng. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, đến tháng 8 năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay anh Đ có đơn xin ly hôn chị, chị đồng ý.

Về con chung: Anh Đ và chị T đều xác nhận anh chị không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, đất canh tác: Hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh Đ và chị T đều xác nhận anh chị không nợ ai và không cho ai vay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Đặng X và chị Đỗ T được ly hôn. Án phí ly hôn sơ thẩm anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Thẩm quyền giải quyết vụ án: Thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn là chị Đỗ T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại khu 5, xã Đ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 28 tháng 8 năm 2019 chị T chuyển khẩu từ xã Đ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc về xã YP, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 29/8/2019 chị T và anh Đ có đơn đề nghị Tòa án nơi cư trú của anh Đ là Tòa án nhân dân huyện TD giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa anh Đ

và chị T, nên Tòa án nhân dân huyện TD tiếp tục giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về việc vắng mặt bị đơn: Bị đơn chị Đỗ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, chị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được nên đây là vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị T vắng mặt căn cứ khoản1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng X và chị Đỗ T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, quan hệ hôn nhân hợp pháp.Quá trình thu thập chứng cứ tại địa phương nơi anh Đ, chị T có thời gian chung sống và lời trình bày của anh Đ và chị T đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn nên tháng 3 năm 2019 chị T chuyển đi nơi khác ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, hai bên không có biện pháp, động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được anh Đ xin ly hôn, chị T cũng đồng ý. Do vụ án không tiến hành hòa giải được nên cần xử cho anh Đặng X và chị Đỗ T được ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Anh Đ và chị T không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức và đất canh tác: Anh Đ và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về khoản nợ: Cả hai bên đều xác nhận không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng X được ly hôn chị Đỗ T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức và đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về khoản nợ: Không có.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đặng X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0002815 ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Xác nhận anh Đ đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Các đương sự.
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Bích Ngọc